BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1415/QĐ-BVTV-TC

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông báo số 6053/TB-BNN-TC ngày 30/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 *(Chi tiết theo biểu đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Cục, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng phòng Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cục có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu VT, TC.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Nguyễn Quý Dương

BỘ NN VÀ PTNT
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 2415 ngày 22/9/2023 của Cục Bảo vệ thực vật)

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị								
					KDTV I	KDTV II	KDTV III	KDTV IV	KDTV V	KDTV VI	KDTV VII	KDTV VIII	KDTV IX
A	**Quyết toán thu, chi, nộp NS phí, lệ phí**												
I	**Số thu phí,lệ phí**												
1	Phí kiểm dịch thực vật và GS khử trùng	**126.448.933.000**	**126.448.933.000**		19.847.419.000	66.217.389.000	6.723.398.000	5.662.174.500	3.678.643.500	7.476.744.000	8.035.190.000	4.188.261.000	4.619.714.000
2	Phí đăng ký thuốc BVTV và phân bón	**12.369.800.000**	**12.369.800.000**										
3	Lệ phí xét tuyển viên chức	**6.000.000**	**6.000.000**										
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại**												
1	Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp												
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**81.543.847.687**	**81.543.847.687**		5.606.663.393	8.778.347.976	2.923.537.439	2.430.154.383	3.845.670.170	3.603.638.307	4.834.924.048	4.009.333.368	1.981.684.192
III	**Số phí lệ phí phải nộp NSNN**												
1	Phí kiểm dịch thực vật và GS khử trùng	**37.934.679.900**	**37.934.679.900**		5.954.225.700	19.865.216.700	2.017.019.400	1.698.652.350	1.103.593.050	2.243.023.200	2.410.557.000	1.256.478.300	1.385.914.200
2	Phí đăng ký thuốc BVTV và phân bón	**3.485.520.000**	**3.485.520.000**										
3	Lệ phí xét tuyển viên chức	**6.000.000**	**6.000.000**										
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**												
I	**Nguồn ngân sách trong nước**												
1	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**												
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**3.841.371.985**	**3.841.371.985**										
2	**Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp**												
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**1.363.729.298**	**1.363.729.298**										
3	**Chi vệ sinh an toàn thực phẩm**												
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**4.279.354.724**	**4.279.354.724**										

BỘ NN VÀ PTNT
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 2415 ngày 22 /9 /2023 của Cục Bảo vệ thực vật)

STT	Nội dung	Số liệu quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị									
		VP Cục	TT Giám định KDTV	TT SNK I	TT SNK II	TT BVTV P.Bắc	TT BVTV Khu IV	TT BVTV Miền Trung	TT BVTV P.Nam	TT KĐ&KN Thuốc P Bắc	TT KĐ&KN Thuốc P Nam
A	**Quyết toán thu, chi, nộp NS phí, lệ phí**										
I	**Số thu phí,lệ phí**										
1	Phí kiểm dịch thực vật và GS khử trùng										
2	Phí đăng ký thuốc BVTV và phân bón	12.369.800.000									
3	Lệ phí xét tuyển viên chức	6.000.000									
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại**										
1	Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp										
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	26.699.442.133	2.379.647.317	3.089.224.169	2.096.455.043	2.502.828.170	1.799.637.909	2.371.069.737	2.591.589.933		
III	**Số phí lệ phí phải nộp NSNN**										
1	Phí kiểm dịch thực vật và GS khử trùng										
2	Phí đăng ký thuốc BVTV và phân bón	3.485.520.000									
3	Lệ phí xét tuyển viên chức	6.000.000									
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**										
I	**Nguồn ngân sách trong nước**										
1	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**										
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.380.412.800	360.000.000	942.835.765	515.934.980				199.147.540	292.125.700	150.915.200
2	**Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp**										
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.660.000					18.000.000		70.997.670	598.917.999	670.153.629
3	**Chi vệ sinh an toàn thực phẩm**										
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	733.559.000	247.860.000	264.542.936	580.602.442	1.453.850.350			998.939.996		